

Số: /BC-STC

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường, công tác trọng tâm tháng 01 năm 2023 và kế hoạch triển khai công tác tháng 02 năm 2023

Căn cứ Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính Quy định chế độ báo cáo giá thị trường.

Sở Tài chính Hà Nam báo cáo tình hình giá cả thị trường, công tác trọng tâm tháng 01 năm 2023 và kế hoạch triển khai công tác tháng 02 năm 2023 như sau:

I. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 01 năm 2023

1. Trên cơ sở tham khảo số liệu do Cục Thống kê tỉnh Hà Nam điều tra, Sở Tài chính lập bảng chi tiết chỉ số giá tiêu dùng tháng 01 năm 2023 như sau:

DVT: %

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với:		
	Kỳ gốc 2019	Tháng 01/2023 so với tháng 01/2022	Tháng 01/2023 so với tháng 12/2022
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	110,06	103,44	100,33
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	113,41	106,60	100,12
<i>Trong đó:</i>			
Lương thực	111,17	100,99	100,77
Thực phẩm	114,11	108,08	99,61
Ăn uống ngoài gia đình	112,42	105,18	101,97
Đồ uống và thuốc lá	106,10	102,83	101,44
May mặc, giày dép và mũ nón	111,70	103,16	101,42
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	114,47	100,81	99,63
Thiết bị và đồ dùng gia đình	108,00	104,18	100,93
Thuốc và dịch vụ y tế	101,97	100,01	100,01
Giao thông	111,36	102,22	101,26
Bưu chính viễn thông	97,25	99,88	100,00
Giáo dục	105,64	103,25	100,00
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,55	102,08	100,29

Hàng hóa và dịch vụ khác	109,48	104,55	101,55
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	140,33	103,10	100,75
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	101,86	103,14	97,72

2. Phân tích chi tiết như sau:

- Chỉ số giá tiêu dùng các mặt hàng tháng 01/2023 tăng 0,33% so với tháng 12/2022, tăng 3,44% so với tháng 01 năm trước, trong đó:

+ Có 08 nhóm chỉ số tăng so với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,12%; Đồ uống và thuốc lá tăng 1,44%; May mặc, giày dép và mũ nón tăng 1,42%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,93%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; Giao thông tăng 1,26%; Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,29%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,55%.

+ Có 01 nhóm chỉ số giảm so với tháng trước: Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD giảm 0,37%; .

+ 02 nhóm chỉ số giá ổn định so với tháng trước: Bru chính viễn thông; Giáo dục.

- Chỉ số giá vàng tăng 0,75% so với tháng trước.

- Chỉ số giá đô la Mỹ giảm 2,28% so với tháng trước.

II. Diễn biến giá cả thị trường tháng 01 năm 2023

1. Giá lương thực thực phẩm: giá gạo tẻ thường dao động trong khoảng từ 12.000-14.000đ/kg; giá thóc tẻ thường từ 7.400đ/kg-7.600đ/kg; gạo tám thơm Hải Hậu dao động trong khoảng từ 18.000đ/kg-20.000đ/kg...

2. Giá các loại thực phẩm tươi sống

- Giá các loại thịt: Giá thịt lợn hơi dao động từ 63.000đ/kg đến 68.000đ/kg; thịt lợn thăn dao động từ 130.000đ/kg đến 160.000đ/kg; thịt lợn mỡ sấn từ 120.000-140.000đ/kg, giá thịt bò thăn dao động từ 250.000đ/kg đến 300.000đ/kg; gà ta còn sống loại 1kg/con giá từ 100.000đ/kg đến 110.000đ/kg; gà công nghiệp làm sẵn dao động từ 65.000đ/kg đến 70.000đ/kg...

- Giá một số loại thủy, hải sản giảm so với tháng trước: cá chép loại 0,5kg/con giá dao động từ 50.000 đ/kg đến 60.000 đ/kg; cá quả (cá lóc) loại 0,5kg/con giá dao động từ 90.000 đ/kg đến 110.000 đ/kg, cá thu loại 1 kg giá từ 150.000 đ/kg-170.000đ/kg, tôm rảo loại 40 con/kg dao động từ 230.000 - 270.000 đồng/kg...

- Giá các loại rau củ quả giảm: Cà chua: 15.000đ/kg-25.000đ/kg; bí xanh 13.000đ/kg-15.000đ/kg, súp lơ xanh 12.000-18.000 đồng/cái, bắp cải: 10.000 – 15.000 đồng/cái; su hào: 5.000 – 10.000 đồng/củ; khoai tây 10.000-15.000 đ/kg...

3. Giá một số mặt hàng đường, bia rượu, bánh kẹo, thuốc lá: đường RE giá dao động từ 23.000 đ/kg đến 27.000đ/kg; bia chai Hà Nội giá dao động từ 220.000 đ/két đến 240.000 đồng/két 24 chai; bia lon Hà Nội giá dao động từ 250.000 đ/thùng đến 280.000 đồng/thùng...

4. Giá xăng dầu: Trong tháng 01 năm 2023, giá xăng dầu điều chỉnh từ 15h00' ngày 03/01/2023 theo Văn bản số 10/BCT-TTTN của Bộ Công thương; từ 15h00' ngày 11/01/2023 tại Văn bản số 140/BCT-TTTN của Bộ Công thương và từ 19h00' ngày 30/01/2023 tại Văn bản số 413/BCT-TTTN của Bộ Công thương. Hiện nay, Xăng RON 95-III có giá 23.600đ/lít; xăng E5 Ron 92-II có giá 22.760đ/lít; Dầu Đizen 0,05S-II có giá 22.970đ/lít.

5. Giá Gas petrolimex giảm so với tháng trước: dao động từ 406.000 đồng đến 422.000 đồng mỗi bình dân dụng 12kg van ngang hoặc van đứng.

6. Giá phân bón ure ổn định do nhu cầu thị trường không có nhiều biến động: phân ure các loại khoảng 14.900 đồng/kg, kali khoảng 16.000 đồng/kg, DAP từ 21.500-27.000 đồng/kg....

7. Giá vàng và ngoại tệ: Do ảnh hưởng của ngày Vía Thần Tài ngày 30/01 (tức ngày 10 tháng Giêng) với nhu cầu mua vàng cầu may của người tiêu dùng giá vàng 99.9% liên tục tăng và dao động từ 5.450.000 đồng/chỉ đến 5.500.000 đồng/chỉ.

III. Công tác đã triển khai tháng 01 năm 2023

1. Thực hiện chế độ báo cáo giá cả thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán theo quy định và Chỉ thị 03/CT-BTC ngày 12/12/2022 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

2. Phối hợp với các ngành thực hiện định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo quy định.

3. Theo dõi sát diễn biến tình hình giá cả thị trường và thực hiện công tác báo cáo giá cả thị trường về UBND tỉnh và Cục quản lý giá - Bộ Tài chính.

IV. Kế hoạch triển khai công tác tháng 02 năm 2023.

1. Tăng cường công tác tham mưu về giá đất đảm bảo sát với thị trường đối với các dự án theo quy định.

2. Phối hợp với các ngành thực hiện định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo quy định.

3. Tiếp tục theo dõi tình hình giá cả thị trường, kịp thời nắm bắt thông tin giá cả trên địa bàn tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường, công tác trọng tâm đã triển khai tháng 01 năm 2023 và kế hoạch triển khai công tác tháng 02 năm 2023. Sở Tài chính Hà Nam trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Giá (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, GCS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Văn Thư

